

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-4-2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Thái Thế.
2. Bà Thạch Thị Thúy Ái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 3 và 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện Ch, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Anh Trần Thanh S, sinh năm 19BB.

Địa chỉ: Số D, Khóm Đ, Phường E, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Đỗ Thị Th có mặt tại phiên tòa, anh Trần Thanh S vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Th và anh S tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân chung sống như vợ chồng vào năm 2001, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh S không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị Th khuyên rất nhiều lần nhưng anh S không sửa đổi. Trong cuộc sống vợ chồng, chị Th và anh S thường xuyên gây gổ, sống không có hạnh phúc. Từ năm 2010, anh S tự bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Sa Đéc sống ly thân chị Th cho đến nay. Năm 2018 anh S có đến gặp chị Th để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị Th không đồng ý.

Nay chị Th nhận thấy không còn tình cảm với anh S, nên không thể tiếp tục chung sống với anh S. Chị Th yêu cầu Tòa án không công nhận chị Th và anh S là vợ chồng, do không đăng ký kết hôn.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Trần Đỗ Phương V, sinh ngày 18/5/2000 và Trần Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 27/01/2001 (Hiện Kh sống với anh S, còn V đã trưởng thành). Khi ly hôn chị Th đồng ý giao Trần Đỗ Đăng Kh cho anh S nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

***\* Bị đơn anh Trần Thanh S dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án ghi nhận ý kiến anh S đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.***

***\* Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, con của chị Th và anh S là cháu Trần Đỗ Đăng Kh trình bày:*** Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu Kh có nguyện vọng được sống chung với cha là anh Trần Thanh S.

***\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Trần Thanh S không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, anh S không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Th và anh Trần Thanh S.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th giao cháu Trần Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 27/01/2001 cho anh Trần Thanh S nuôi dưỡng. Do anh S không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên

đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị Th có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị Thu xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Thanh S là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về việc yêu cầu không công nhận mối quan hệ vợ chồng với anh Trần Thanh S vì giữa chị Th và anh S không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Trần Thanh S chung sống như vợ chồng từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra khi chị Th và anh S chung sống với nhau như vợ chồng thì phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị Th và anh S đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S không hợp pháp vì không được pháp luật công nhận và không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, giữa chị Th và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, có những lời lẽ thiếu tôn trọng lẫn nhau làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị Th không còn tình cảm với anh S, không còn quan tâm lo

lắng cho anh S. Chị Th và anh S cũng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, đã hơn 10 năm.

Tại phiên tòa, chị Th xác định là không còn tình cảm với anh S, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh S không có hạnh phúc, chị Th không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh S và có yêu cầu được ly hôn anh S. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị Th cũng không trở về chung sống với anh S.

Về phía anh S: Dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, đã biết được chị Th xin ly hôn, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án xác minh làm rõ, ghi nhận ý kiến anh S đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Nếu anh S thật sự còn tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm với chị Th thì anh S đã sắp xếp công việc đến trình bày ý kiến, nguyện vọng của anh S, nhưng anh S không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Điều đó chứng tỏ anh S bỏ mặc chị Th, không còn quan tâm chị Th.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Do đó, chị Th yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh S là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu Kh đang có cuộc sống ổn định với anh S. Anh S chăm sóc nuôi dưỡng cháu Kh tốt, ý kiến của cháu Kh có nguyện vọng được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Chị Th cũng đồng ý giao Kh cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Th vì phù hợp quy định pháp luật. Chị Th được quyền tới lui thăm nom

chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đối với cháu V đã trưởng thành có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S không có yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị Th xác định là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên Xử:***

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa Đỗ Thị Th và anh Trần Thanh S.

2. Về nuôi con chung:

- Anh Trần Thanh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 27/01/2007, hiện cháu Kh đang sống với anh S.

- Anh Trần Thanh S không có yêu cầu chị Đỗ Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn trong vụ án này, nên không xem xét.

- Chị Đỗ Thị Th có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị Th đã nộp ngày 09/11/2020 theo biên lai thu số: 0008484 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

***Nơi nhận:***

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường E, TP. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Huỳnh Thị Mộng Thúy**